

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2017/DS-PT

Ngày 12 - 10 - 2017

V/v hợp đồng vay tài sản và hợp
đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh
Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLPT-DS ngày 30
tháng 8 năm 2017.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2017
của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2017/QĐ - PT
ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1948, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Thị Đ là chị Nguyễn
Thị Trúc L (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1954, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị K là Luật sư Phạm Văn H – Văn phòng Luật sư Phạm Văn H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1979, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đinh Thị A, sinh năm 1967, có mặt.

2. Bà Võ Thị Ngọc S, sinh năm 1962, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:*

Bị đơn bà Nguyễn Thị K kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2017, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Đ chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:*

Bà Võ Thị Đ có cho bà Nguyễn Thị K vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 05/5/2011 vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Lần thứ hai: Vào ngày 02/6/2012 vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Lần thứ ba: Vào ngày 06/6/2012 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Lần thứ tư: Vào ngày 09/6/2012 vay 2.000.000đ (Hai triệu đồng)

Lần thứ năm: Vào ngày 09/6/2012 vay 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

Lần thứ sáu: Vào ngày 10/6/2012 vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Lần thứ bảy: Vào ngày 10/6/2012 vay 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

Lần thứ tám: Vào ngày 12/6/2012 vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Lần thứ chín: Vào ngày 13/6/2012 vay 8.000.000đ (Tám triệu đồng)

Lần thứ mười: Vào ngày 15/6/2012 vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Lần thứ mười một: Vào ngày 16/6/2012 vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Lần thứ mười hai: Vào ngày 22/6/2012 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Lần thứ mười ba: Vào ngày 29/6/2012 vay 8.000.000đ (Tám triệu đồng)

Lần thứ mười bốn: Vào ngày 25/7/2012 vay 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng)

Lần thứ mười lăm : Vào ngày 12/10/2013 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Lần thứ mười sáu: Vào ngày 21/06/2014 vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Lần thứ mười bảy: Vào ngày 28/6/2014 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Lần thứ mười tám : Vào ngày 11/9/2014 vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Tất cả các lần nhận tiền đều do bà K viết vào trong sổ của bà Đ, khi bà K vay tiền thì bà K và bà Đ không có thỏa thuận lãi suất, đối với số tiền 100.000.000đ thì bà K thỏa thuận với bà Đ mỗi tháng 1.000.000đ đóng lãi là 6000đ, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng nhưng thực tế bà K không có đóng lãi. Bà K có ghi vào sổ nợ của bà Đ là còn nợ bà Đ số tiền là 403.300.000đ, trong đó tiền lãi là 28.300.000đ và tiền vốn là 375.000.000đ, do bà Đ không biết viết chữ nên chị L là con ruột của bà Đ có ghi vào sổ của bà K số tiền bằng số là 400.330.000đ nhưng ghi bằng chữ là bốn trăm lẻ ba triệu ba trăm ngàn, bà K có giữ quyền sổ để nhớ số nợ còn thiếu bà Đ.

Ngoài ra bà K còn tham gia nhiều dây hụi do bà Đ làm đầu thảo hụi, bà K hốt hụi xong nhưng bà K không đóng hụi chết, bà Đ phải bỏ tiền ra choàng hụi cho các hụi viên, hiện nay hụi đã mãn. Đến ngày 30/4/2015 bà K và bà Đ có tổng kết tiền hụi và tiền vay lại thì bà K thừa nhận là còn nợ bà Đ số tiền của

nhiều dây hụi do bà Đ đã góp hụi thay cho bà K với số tiền là 116.135.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và tiền vay là 403.300.000đ

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà K phải trả lại số tiền vay vốn là 375.000.000đ và tiền nợ hụi là 116.135.000đ. Tổng cộng là 491.135.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Đối với số tiền lãi vay là 28.300.000đ thì bà Đ không yêu cầu bà K phải trả. Ngoài ra bà Đ không còn yêu cầu nào khác.

**** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:***

Bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đ yêu cầu bà trả số tiền vốn vay 375.000.000đ là không đúng, bà chỉ thừa nhận bà còn nợ số tiền vốn vay là 135.000.000đ. Tất cả các chữ viết mượn tiền trong sổ của bà Đ là chữ viết của bà, khi bà và bà Đ chốt sổ lại thì bà Đ kêu bà ghi tiền hụi cộng tiền vay là 519.435.000đ (Năm trăm mười chín triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Bà vay tiền nhiều lần, có lần vay tiền nhiều nhất là vào ngày 5 tháng 5 năm 2011 bà vay số tiền 200.000.000đ, bà đã trả cho bà Đ số tiền 115.000.000đ, bà còn nợ bà Đ số vốn là 85.000.000đ, bà vay ngân hàng 100.000.000đ để trả cho bà Đ nhưng bà Đ không đồng ý bà Đ kêu bà trả hết lãi thì bà Đ mới chịu nhận tiền. Bà không biết vì sau bà ghi vào trong sổ của bà Đ tổng cộng số tiền vốn vay là 403.300.000đ. Ngoài ra hàng tháng bà còn đóng lãi cho bà Đ, bà đóng bắt đầu từ năm 2012 đến năm 2014 mỗi tháng đóng số tiền 8.100.000đ. Tổng cộng tiền lãi bà đóng là 291.600.000đ, các lần đóng lãi cho bà Đ bà Đ không có ký nhận nhận tiền cho bà nhưng bà có ghi vào sổ của bà để nhớ. Đến cuối năm 2014 đến nay thì bà không có đóng lãi cho bà Đ.

Ngoài ra bà còn tham gia nhiều dây hụi do bà Đ làm đầu thảo hụi, hiện nay hụi đã mãn, bà Đ yêu cầu bà trả số tiền hụi là 116.135.000đ bà đồng ý.

Bà và bà Đ có chốt sổ lại vào năm 2014, trong quyển sổ mà bà Đ đã nộp cho Tòa án là quyển sổ bà ghi các lần mượn tiền trước, sau khi đã trả tiền cho bà Đ bà và bà Đ chốt sổ lại thì bà còn nợ bà Đ số tiền là 135.000.000đ và tiền hụi là 116.135.000đ bà có ghi vào quyển sổ mới của bà Đ, hiện nay quyển sổ bà Đ

đang giữ, vì sợ ý nên bà ghi vào quyển sổ mới của bà Đ mà bà không lấy lại quyển sổ cũ nên bà Đ lấy quyển sổ cũ đi kiện bà.

Nay bà Đ yêu cầu bà trả số tiền vốn vay là 375.000.000đ và tiền hụi là 116.135.000đ bà đồng ý trả tiền hụi nhưng tiền vay trong sổ ghi là 403.300.000đ bà cho rằng trong sổ tiền vay trên có tiền vốn 135.000.000đ và tiền lãi là 268.000.000đ tổng cộng là 403.000.000đ bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả lại cho bà Đ số tiền nợ vay vốn là 135.000.000đ và tiền nợ hụi là 116.135.000đ, tổng cộng là 251.135.000đ. Đối với số tiền lãi bà đã đóng là 291.000.000đ bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất.

**** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:***

Chị là con ruột của bà Đ. Ngày bà K và bà Đ chót sổ lại chị có ghi giùm mẹ chị trong sổ của bà K số tiền bằng chữ là bốn trăm lẻ ba triệu ba trăm nghìn đồng, nhưng số tiền bằng số chị ghi nhầm là 400.330.000đ. Việc bà K vay tiền của bà Đ thì chị không có tham gia và cũng không biết, chị chỉ ghi dùm mẹ chị số tiền nêu trên. Ngoài ra chị không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V xử, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**** Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả lại cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ vay là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ hụi là 116.135.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 491.135.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án bên phải thi hành không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/8/2017 bị đơn Nguyễn Thị K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 135.000.000 đồng và tiền hui là 116.135.000 đồng, bà không đồng ý trả 491.135.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bà trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thị K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, giải quyết cho bà được trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 135.000.000 đồng và tiền hui là 116.135.000 đồng, bà không đồng ý trả 491.135.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bà trả cho nguyên đơn.

Ý kiến của người làm chứng Đinh Thị A, Võ Thị Ngọc S trình bày: có mối quan hệ là hàng xóm của bị đơn Nguyễn Thị K nhưng không có chứng kiến và không biết việc giao tiền giữa bà Võ Thị Đ và bà Nguyễn Thị K.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Mặc dù bà K không có giấy tờ chứng cứ chứng minh về việc đóng lãi tiền vay cho bà Đ, sự thật là có tiền lãi trong số tiền vay này. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà K sửa án sơ thẩm đã xử.

Ý kiến của bà Đ trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà K. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và lý do kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Xét thấy tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo vì vậy đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn Võ Thị Đ trình bày:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn Võ Thị Đ và bị đơn Nguyễn Thị K được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K là còn trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, giải quyết cho bà được trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 116.135.000 đồng, bà không đồng ý trả 491.135.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bà trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thị K không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

[3] Xét tại cấp sơ thẩm bà Đ cung cấp cho Tòa án quyển sổ ghi chép cá nhân của bà trong đó có ghi quá trình vay tiền, tổng kết tiền vay và tổng kết tiền lãi giữa bà Đ và bà K. Bà Nguyễn Thị K cũng thừa nhận có ghi số tiền còn thiếu là 403.300.000đ có 28.300.000đ tiền lãi và toàn bộ chữ viết trong sổ cá nhân của bà Đ là chữ viết của bà K.

Ngoài lời trình bày thì bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh trong sổ tiền bà viết trong sổ nợ là 403.300.000đ trong đó có 268.000.000đ là tiền lãi và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2014 bà đã đóng cho bà Đ số tiền lãi là 291.600.000đ. Bà K cung cấp cho Tòa án quyển sổ cá nhân của bà K, bà cho rằng các lần mượn tiền của bà Đ bà có ghi vào sổ của bà, và các lần đóng lãi bà cũng có ghi, nhưng trong quyển sổ của bà không có chữ ký của bà Đ và việc bà K trình bày thì bà Đ cũng không thừa nhận, không có cơ sở để chấp

thuận. Cho nên, từ những căn cứ trên đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị K trả lại cho nguyên đơn Võ Thị Đ số tiền nợ vay là 375.000.000 đồng và số tiền nợ hui là 116.135.000 đồng, tổng cộng là 491.135.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Xét cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị K trả lại cho nguyên đơn Võ Thị Đ số tiền nợ vay là 375.000.000 đồng và số tiền nợ hui là 116.135.000 đồng, tổng cộng là 491.135.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật cho nên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện V.

[5] Xét lời trình bày của Luật sư là không có chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự: bị đơn Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện V.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả lại cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ vay là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ hui là 116.135.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 491.135.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải nộp 23.645.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm $\frac{1}{2}$ án phí do hoàn cảnh gia đình đang khó khăn về kinh tế có xác nhận của Ủy ban nhân xã T. Buộc bà Nguyễn Thị K phải nộp số tiền là 11.822.500đ (Mười một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Võ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 12.986.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng) đã nộp ngày 14/4/2017 theo biên lai thu số 0007897 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn Nguyễn Thị K nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Bà K đã nộp 300.000 đồng ngày 02/8/2017 theo lai thu số 0008184 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V nên được khấu trừ. Bà K không phải nộp tiếp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND HV: 01b;
- CC THADS HV: 01b;
- Các đs: 03b;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Minh Tâm